

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH

**DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VIỆC HÀNH NGHỀ KHOAN NƯỚC
DƯỚI ĐẤT, KÊ KHAI, ĐĂNG KÝ, CẤP PHÉP, DỊCH VỤ TÀI NGUYÊN
NƯỚC VÀ TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC**

*(Kèm theo Tờ trình số ... /TTr-BTNMT ngày .../.../2024
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Hà Nội, 2024

Số: /BC-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Đánh giá tác động chính sách của dự thảo Nghị định quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

Kính gửi: Chính phủ

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Luật Tài nguyên nước 28/2023/QH15 được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 6 ngày 27 tháng 11 năm 2023, thay thế Luật Tài nguyên nước năm 2012. Luật có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 với nhiều nội dung mới liên quan đến bốn nhóm chính sách đã được Quốc hội thông qua (Bảo đảm an ninh nguồn nước; xã hội hóa ngành nước; kinh tế tài nguyên nước; bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống tác hại do nước gây ra). Ngày 08 tháng 01 năm 2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 19/QĐ-TTg về việc Ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 6, giao Bộ Tài nguyên và môi trường chủ trì xây dựng Nghị định quy định chi tiết việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước để hướng dẫn các quy định được giao tại Luật Tài nguyên nước gồm:

- Khoản 3 Điều 31: Chính phủ quy định chi tiết Điều này (Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia);

- Khoản 9 Điều 52: Chính phủ quy định chi tiết Điều này (Quy định chung về việc kê khai, đăng ký, cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước);

- Khoản 5 Điều 53: Chính phủ quy định chi tiết Điều này (Thẩm quyền, trình tự, thủ tục kê khai, đăng ký, cấp phép); quy định trình tự, thủ tục kê khai việc khai thác nước dưới đất của hộ gia đình, đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước; cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chấp thuận trả lại, tạm dừng, đình chỉ, thu hồi giấy phép khai thác tài nguyên nước, giấy phép thăm dò nước dưới đất;

- Khoản 6 Điều 69: Chính phủ quy định chi tiết việc nộp, miễn, giảm tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; quy định phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024, Thủ tướng Chính phủ đã ký Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ Về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, trong đó giao Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng Nghị định quy định chi tiết việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trình Chính phủ trong tháng 4 năm 2024.

Thực hiện Nghị quyết nêu trên, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã khẩn trương hoàn thiện Hồ sơ dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước và hoàn thiện Báo cáo đánh giá tác động chính sách của dự thảo Nghị định như sau:

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

2.1. Mục tiêu tổng thể

- Tạo lập hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa bảo đảm minh bạch để có khả năng vốn hóa nguồn lực tài nguyên, phân bổ hợp lý và sử dụng có hiệu quả; đảm bảo an ninh nguồn nước quốc gia, giảm thiểu sự phụ thuộc vào nguồn nước từ nước ngoài và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu; chú trọng phòng ngừa, kiểm soát và phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt và ô nhiễm; đồng thời tách bạch quản lý tổng hợp thống nhất về tài nguyên nước với quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước (công trình thủy lợi, thủy điện, cấp nước đô thị, nông thôn, cấp nước công nghiệp, dịch vụ, giao thông thủy...); chú trọng phòng ngừa, kiểm soát và phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt và ô nhiễm; phân định rõ trách nhiệm quản lý nguồn nước và trách nhiệm quản lý công trình khai thác nước cả Trung ương và địa phương khắc phục các chông chéo, xung đột pháp luật.

- Hướng tới quản lý tài nguyên nước trên nền tảng công nghệ số, thống nhất về cơ sở dữ liệu, xây dựng bộ công cụ hỗ trợ ra quyết định theo thời gian thực, giảm thiểu nhân lực quản lý, vận hành, chi phí đầu tư của nhà nước; đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, đủ cơ sở pháp lý để giải quyết những vấn đề về tài nguyên nước đặt ra của giai đoạn phát triển mới; bảo đảm tương thích với pháp luật và thông lệ quốc tế; tạo hành lang pháp lý đồng bộ về tài nguyên nước, thúc đẩy sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội; giảm điều kiện kinh doanh cho tổ chức, cá nhân.

- Chuyển dần từ quản lý bằng công cụ hành chính sang quản lý bằng công cụ kinh tế thông qua các quy định về giá nước, thuế, phí, lệ phí, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, khuyến khích sử dụng nước tuần hoàn nhằm nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên nước, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả. Đẩy mạnh xã hội hoá theo hướng những việc gì doanh nghiệp có thể làm được thì giao cho doanh nghiệp thực hiện, giảm nguồn lực đầu tư của nhà nước, hướng tới nhà nước quản lý, doanh nghiệp thực hiện.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Cụ thể hoá các quy định của Luật Tài nguyên nước để bảo đảm các quy định của Luật được triển khai kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả ngay khi Luật có hiệu lực thi hành.

- Các quy định phải bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, Luật Tài nguyên nước, đồng bộ với các pháp luật chuyên ngành liên quan và phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia; rõ ràng, dễ hiểu và mang tính khả thi cao, thúc đẩy đầu tư, xã hội hóa đi đôi với tăng cường bảo vệ, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước, gắn với yêu cầu cải cách các thủ tục hành chính theo hướng đơn giản, hiệu quả, hiệu lực.

- Kế thừa các quy định của các Nghị định hướng dẫn Luật Tài nguyên nước năm 2012 đang phát huy hiệu quả, vẫn còn phù hợp với các quy định hiện hành; bãi bỏ các quy định bất cập; cập nhật, sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành cho phù hợp với thực tiễn, các yêu cầu về bảo đảm an ninh nguồn nước, bảo vệ tài nguyên nước và các yêu cầu về tài nguyên nước trong tình hình mới.

- Các chính sách được xây dựng đầy đủ, chi tiết, có tính khả thi để triển khai thi hành Luật tài nguyên nước, bảo đảm sự phù hợp và thống nhất với các văn bản pháp luật có liên quan... Qua đó, xây dựng hành lang pháp lý thuận lợi để góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý, hiệu quả.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Trong quá trình soạn thảo Luật Tài nguyên nước năm 2023, Chính phủ đã tổ chức đánh giá 4 nhóm chính sách lớn, các nhóm chính sách này đã được luật hoá tại các quy định của Luật và được quy định chi tiết trong các dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

Để tiếp tục hoàn thiện, đánh giá chính sách cụ thể đối với các nhóm chính sách đã được đánh giá tác động khi xây dựng Luật Tài nguyên nước năm 2023, Bộ Tài nguyên và Môi trường đánh giá cụ thể đối với từng chính sách. Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ đánh giá theo quy trình: xác định vấn đề bất cập hiện tại (trong đó nêu rõ hậu quả và nguyên nhân), đưa ra các mục tiêu chính sách, xây dựng các phương án chính sách dự kiến để giải quyết vấn đề và đánh giá tác động (bao gồm kinh tế, xã hội, giới, thủ tục hành chính, hệ thống pháp luật) đối với phương án chính sách dự kiến.

Báo cáo đánh giá tác động của chính sách sử dụng phương pháp đánh giá định tính và đánh giá định lượng. Việc đánh giá tác động về kinh tế, xã hội chỉ có thể định lượng tính chi phí với một số chi phí thực tế nhà nước, doanh nghiệp, người dân phải bỏ ra có thể tính toán được như các chi phí về xây dựng văn bản, đào tạo, tập huấn, các chi phí liên quan đến thủ tục hành chính.

Việc đánh giá tác động chính sách được thực hiện như sau:

1. Chính sách 1: Kê khai khai thác nước dưới đất của hộ gia đình để phục vụ cho mục đích sinh hoạt

1.1. Xác định vấn đề bất cập

a) Một số vấn đề:

Hiện nay, cả nước có khoảng 10 triệu công trình cấp nước quy mô hộ gia đình (sử dụng giếng khoan, giếng đào, bể trữ nước mưa). Tính đến hết năm 2022 cả nước có khoảng 44% dân số nông thôn (hơn 28,5 triệu người) được cấp nước từ công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung và 56% dân số nông thôn còn lại (36,3 triệu người) sử dụng nước cho sinh hoạt từ công trình cấp nước quy mô hộ gia đình. Trong khi đó, pháp luật hiện hành mới chỉ quy định trường hợp khai thác nước dưới đất với quy mô nhỏ trong phạm vi ở các vùng mà mực nước đã bị suy giảm quá mức thì phải đăng ký, đối với các vùng khác chưa có quy định để thống kê, kiểm soát việc khai thác, sử dụng nguồn nước.

b) Hậu quả nếu vấn đề không được giải quyết:

Điều này dẫn tới tình trạng: (1) chưa kiểm soát, quản lý đầy đủ, kịp thời về hiện trạng khai thác nước dưới đất, hạ thấp mực nước, sụt lún, ô nhiễm nước dưới đất; (2) thiếu thông tin, dữ liệu để cảnh báo, khuyến cáo về chất lượng nước dưới đất sử dụng cho mục đích sinh hoạt của người dân; (3) không có thông tin về việc khai thác sử dụng nước sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước.

c) Nguyên nhân của vấn đề:

Do pháp luật hiện hành về tài nguyên nước mới chỉ quy định trường hợp khai thác nước dưới đất với quy mô nhỏ trong phạm vi ở các vùng mà mực nước đã bị suy giảm quá mức thì phải đăng ký, chưa quy định kê khai khai thác tài nguyên nước đối với các khu vực khác trên cả nước.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Việc kê khai khai thác tài nguyên nước sẽ giúp đơn vị quản lý các cấp có được thông tin toàn diện các vấn đề về nước trên cơ sở thống nhất quản lý về tài nguyên nước nhằm kiểm soát việc sử dụng nguồn nước, bảo đảm an ninh nguồn nước cho sinh hoạt của nhân dân.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Phương án 1: Giữ nguyên chính sách hiện tại.

Phương án 2: Trên cơ sở quy định hiện tại, công tác điều tra các công trình khai thác nước dưới đất nhỏ lẻ thuộc hộ gia đình thực hiện thông qua các đề tài, dự án có liên quan.

Phương án 3: Bổ sung các quy định về kê khai khai thác nước dưới đất của hộ gia đình để phục vụ cho mục đích sinh hoạt.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

1.4.1. Phương án 1: Giữ nguyên chính sách hiện tại.

a) Tác động về kinh tế, xã hội:

- Về mặt tích cực:

+ Đối với Nhà nước: giữ nguyên chính sách hiện tại thì không phải thực hiện việc điều chỉnh sửa đổi chính sách liên quan.

+ Đối với doanh nghiệp: không có tác động tích cực đến các doanh nghiệp.

+ Đối với người dân: không có tác động đến tích cực đến người dân do giữ nguyên chính sách hiện tại.

- Về mặt tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: Không có dữ liệu về công trình khai thác nước dưới đất nhỏ lẻ, gây khó khăn trong công tác quản lý. Việc đánh giá trữ lượng tài nguyên nước không chính xác gây ra các nhận định không chính xác.

+ Đối với doanh nghiệp: Việc khai thác nước của các doanh nghiệp nằm trong khu vực dân cư đông đúc sẽ gặp nhiều khó khăn bất lợi, do có thể chịu ảnh hưởng của tình trạng sụt lún, hạ thấp mực nước, ô nhiễm nguồn nước dưới đất.

+ Đối với người dân: Chịu ảnh hưởng bất lợi nếu nằm trong khu vực sụt lún, hạ thấp mực nước, ô nhiễm nguồn nước dưới đất.

b) Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

c) Tác động về thủ tục hành chính: phương án này không phát sinh thủ tục hành chính do giữ nguyên quy định hiện tại.

d) Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giữ nguyên quy định hiện tại, không ảnh hưởng tới các hệ thống pháp luật khác.

1.4.2. Phương án 2: Trên cơ sở quy định hiện tại, công tác điều tra các công trình khai thác nước dưới đất nhỏ lẻ thuộc hộ gia đình thực hiện thông qua các đề tài, dự án có liên quan.

a) Tác động về kinh tế, xã hội:

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: giữ nguyên chính sách hiện tại thì không phải thực hiện việc điều chỉnh sửa đổi chính sách liên quan, tuy nhiên cơ quan quản lý nhà nước vẫn có thể thu thập thông tin về hệ trạng khai thác sử dụng nước dưới đất của các hộ dân.

+ Đối với doanh nghiệp: không có tác động tích cực đến các doanh nghiệp.

+ Đối với người dân: không có tác động đến tích cực đến người dân do giữ nguyên chính sách hiện tại.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: Có thu thập được dữ liệu về công trình khai thác nước dưới đất nhỏ lẻ tuy nhiên phải phụ thuộc vào dữ liệu từ các đề tài, dự án đã điều tra việc thu thập thông tin mang tính cục bộ cho từng vùng, từng khu vực, không đầy đủ. Ngoài ra, sẽ mất thời gian từ đề nghị cung cấp số liệu từ nhiều đơn vị do

các đơn vị thực hiện không đồng nhất, gây khó khăn trong công tác quản lý. Phát sinh kinh phí từ công tác điều tra chi tiết, công tác thu thập tài liệu, nhân công phục vụ tổng hợp.

+ Đối với các doanh nghiệp: Do cơ quan nhà nước chưa có đủ thông tin về tình hình khai thác nước nhỏ lẻ nên không thể đánh giá tổng quan cho cả nước. Các doanh nghiệp có vị trí nằm trong vùng chưa được đánh giá và nằm trong khu vực dân cư đông đúc sẽ gặp nhiều khó khăn bất lợi, do có thể chịu ảnh hưởng của tình trạng sụt lún, hạ thấp mực nước, ô nhiễm nguồn nước dưới đất.

+ Đối với người dân: Cung cấp thông tin dữ liệu về công trình khai thác, sử dụng nước của hộ gia đình tuy nhiên không được xử lý các vướng mắc, khó khăn do các đề tài, dự án chỉ mang tính chất nghiên cứu, đưa giải pháp.

b) Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới

c) Tác động về thủ tục hành chính: phương án này không phát sinh thủ tục hành chính do giữ nguyên quy định hiện tại.

d) Tác động đối với hệ thống pháp luật: phương án này không tác động tới hệ thống pháp luật.

1.4.3. Phương án 3: Bổ sung các quy định về kê khai khai thác nước dưới đất của hộ gia đình để phục vụ cho mục đích sinh hoạt.

a) Tác động về kinh tế - xã hội:

- Về mặt tích cực:

+ Đối với Nhà nước: Thu thập đầy đủ thông tin về hoạt động khai thác, sử dụng nước trong phạm vi hộ gia đình từ đó tính toán, đưa ra các nhận định chính xác về trữ lượng, hiện trạng, nhu cầu dùng nước cho từng vùng, từng khu vực, từng tỉnh trên phạm vi cả nước. Từ đó, đưa ra các nhận định, các vấn đề gặp phải của từng khu vực chính xác hơn, giải quyết các vấn đề hợp lý, chuẩn xác. Ngoài ra, giúp các cơ quan, các ngành sử dụng nước khác nhìn vào để đưa ra các định hướng phát triển phù hợp với khu vực của mình. Số liệu thu thập chính xác, tin cậy để dùng cho nhiều năm sau, nhiều ngành nghề, lĩnh vực có liên quan.

Việc kê khai tài nguyên nước đòi hỏi huy động lực lượng cán bộ từ cấp trung ương đến địa phương, qua đó nâng cao năng lực cho cán bộ địa phương cũng như công tác phối hợp làm việc.

+ Đối với doanh nghiệp: Với việc khoanh vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, cảnh báo khu vực có nguy cơ sụt lún và nâng cao chất lượng nước ngầm giúp các doanh nghiệp khai thác nước ngầm chất lượng tốt để phục vụ sản xuất, giảm nguy cơ thiếu nước, mất nước, hạ thấp mực nước trong mùa khô.

+ Đối với người dân: Cơ quan nhà nước có được thông tin khai thác từ đó có những chính sách phù hợp bảo đảm nâng cao khả năng tiếp cận nguồn nước sạch, an toàn cho người dân, được bảo đảm về an ninh nguồn nước cho sinh hoạt.

- Về mặt tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: Phát sinh nguồn lực (nhân lực, kinh phí, thời gian) cho việc xây dựng văn bản hướng dẫn thi hành để quy định; phổ biến, tuyên truyền các văn bản được sửa đổi, bổ sung; tiếp nhận thông tin do người dân kê khai. Tuy nhiên, toàn bộ những hoạt động nêu trên không làm phát sinh chi phí về nguồn nhân lực, tài chính so với Luật hiện hành do việc xây dựng văn bản hướng dẫn, tuyên truyền phổ biến được thực hiện đồng thời với các nội dung khác. Đối với đội ngũ tiếp nhận thông tin kê khai cấp xã thì vẫn là cán bộ hiện nay và thực hiện các nội dung quản lý theo quy định của pháp luật hiện hành đã có. Khi Luật có hiệu lực thi hành, Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ hoàn thiện cơ sở dữ liệu để thực hiện việc kê khai online, chỉ những vùng sâu, vùng xa, không có mạng internet mới kê khai trực tiếp. Do đó, bổ sung nội dung kê khai không làm phát sinh nhiều chi phí so với quy định hiện hành.

+ Đối với doanh nghiệp: Không có tác động tiêu cực đến doanh nghiệp.

+ Đối với người dân: Thủ tục kê khai rất đơn giản, người dân kê khai trực tiếp trên 01 tờ khai theo mẫu và nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới

c) Tác động về thủ tục hành chính: phát sinh thủ tục hành chính đơn giản là kê khai trên tờ khai theo mẫu và nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

d) Tác động đối với hệ thống pháp luật: Luật Tài nguyên nước và Nghị định quy định chi tiết có nội dung kê khai khai thác nước dưới đất của hộ gia đình để phục vụ cho mục đích sinh hoạt. Tuy nhiên, nội dung này sẽ được thực hiện đồng thời với các quy định khác của Luật và Nghị định mà không phát sinh văn bản pháp luật riêng.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Với các phân tích nêu trên, Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định lựa chọn phương án 3 do phương án này sẽ giúp giải quyết được vấn đề đang tồn tại, bất cập trong những năm qua và mang lại lợi ích lâu dài, tác động tích cực nhiều hơn chi phí.

2. Chính sách 2: Đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước

2.1. Xác định vấn đề bất cập

a) Một số vấn đề:

Nước ta có khoảng 3.450 con sông, suối (chiều dài trên 10km); trong đó, có 392 sông liên tỉnh, được đánh giá là quốc gia có tài nguyên nước dồi dào, nhưng trong số đó, 63% nguồn nước bắt nguồn từ các quốc gia khác chảy vào Việt Nam.

Với quá trình quản lý tài nguyên nước theo quy định của Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13, được quy định chi tiết tại các Nghị định số 201/2013/NĐ-

CP ngày 27/11/2023, số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 các hoạt động, công trình liên quan đến khai thác tài nguyên nước thuộc trường hợp phải đăng ký đã được quản lý và lưu thành hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý, điều hoà, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.

Tuy nhiên, đối với các hạng mục khai thác tài nguyên nước chưa quy định việc đăng ký khai thác tài nguyên nước đối với các công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích tạo nguồn, ngăn mặn, chống ngập, tạo cảnh quan. Đồng thời, cũng chưa quy định việc đăng ký sử dụng nước đối với sử dụng mặt nước sông, suối, kênh, mương, rạch, hồ chứa để nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ; sử dụng mặt nước hồ chứa để sản xuất điện mặt trời; đào sông, suối; đào hồ, ao, kênh, mương, rạch để tạo không gian thu, trữ nước, dẫn nước, tạo cảnh quan.

Theo quy định tại điểm đ, điểm e và điểm g khoản 5 Điều 52 của Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27/11/2023 bổ sung một số trường hợp phải đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước, gồm:

- Công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch có quy mô vừa và nhỏ với mục đích tạo nguồn, ngăn mặn, chống ngập, tạo cảnh quan.

- Sử dụng mặt nước sông, suối, kênh, mương, rạch, hồ chứa để nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ có quy mô không thuộc trường hợp quy định tại điểm h khoản 3 Điều 52 của Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15; sử dụng mặt nước hồ chứa để sản xuất điện mặt trời;

- Đào sông, suối; đào hồ, ao, kênh, mương, rạch để tạo không gian thu, trữ nước, dẫn nước, tạo cảnh quan có quy mô không thuộc trường hợp quy định tại điểm i khoản 3 Điều 52 của Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15.

Ngoài ra, một số quy định về đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước đã được quy định chi tiết thi hành một số điều tại Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/20/2023 cần được rà soát, cập nhật để phù hợp với thực tế và đảm bảo theo quy định tại Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15.

b) Hậu quả nếu vấn đề không được giải quyết:

Để đảm bảo quản lý, sử dụng, phát triển bền vững, tổng hợp, thống nhất theo lưu vực sông, liên vùng, liên tỉnh và được tiếp cận theo nguyên tắc thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; mọi nhu cầu sử dụng nước cho phát triển kinh tế - xã hội phải phù hợp với chức năng và khả năng đáp ứng của nguồn nước, nhằm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, công bằng, hợp lý, đa mục tiêu, bảo vệ môi trường, hệ sinh thái thủy sinh, thích ứng với biến đổi khí hậu và đảm bảo an ninh nguồn nước quốc gia cần quy định đầy đủ đối với các trường hợp phải đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

Đồng thời phải quy định nội dung đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước đảm bảo theo quy định tại Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 nhằm quản lý tổng hợp, thống nhất về số lượng và chất lượng nước; giữa nước mặt và

nước dưới đất; nước trên đất liền và nước vùng cửa sông, nội thủy, lãnh hải; giữa thượng lưu và hạ lưu, kết hợp với quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác.

c) Nguyên nhân của vấn đề:

Nguồn nước Việt Nam phân bố không đồng đều, trải dài theo sự thay đổi của điều kiện địa hình từ vùng núi cao đến trung du và khu vực đồng bằng. Vì vậy, các loại hình công trình khai thác, sử dụng nước khá phức tạp và cho nhiều mục đích khai thác, sử dụng nước khác nhau. Đồng thời, dưới tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng và các hoạt động khai thác, sử dụng nước của các nước phía thượng nguồn ảnh hưởng đến nguồn nước phía Việt Nam, để thích ứng với các tác động xảy ra, cũng như để phát triển kinh tế xã hội theo hướng hiện đại hóa sẽ xuất hiện nhiều hơn các công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch có quy mô vừa và nhỏ với mục đích tạo nguồn, ngăn mặn, chống ngập, tạo cảnh quan, việc sử dụng mặt nước sông, suối, kênh, mương, rạch, hồ chứa để nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ, việc đào sông, suối; đào hồ, ao, kênh, mương, rạch để tạo không gian thu, trữ nước, dẫn nước, tạo cảnh quan.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Quy định nội dung đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước nhằm quản lý tổng hợp, thống nhất về số lượng và chất lượng nước; giữa nước mặt và nước dưới đất; nước trên đất liền và nước vùng cửa sông, nội thủy, lãnh hải; giữa thượng lưu và hạ lưu, kết hợp với quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Phương án 1: Giữ nguyên chính sách hiện tại, không bổ sung các quy định về đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

Phương án 2: Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

Phương án 3: Sửa đổi, bổ sung và quy định chi tiết các nội dung về đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định tại điểm đ, e và g khoản 5 Điều 52 của Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 nhằm quản lý tổng hợp, thống nhất về số lượng và chất lượng nước; giữa nước mặt và nước dưới đất; nước trên đất liền và nước vùng cửa sông, nội thủy, lãnh hải; giữa thượng lưu và hạ lưu, kết hợp với quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

2.4.1. Phương án 1: giữ nguyên chính sách hiện tại

a) Tác động về kinh tế, xã hội:

- Về mặt tích cực:

+ Đối với Nhà nước: Không có mặt tích cực do chính sách được giữ nguyên, qua thời gian dài quản lý các đối tượng phải đăng ký theo quy định cũ chưa đầy đủ và gia tăng không đáng kể, các đối tượng mới cho mục đích tạo nguồn, tạo

cảnh quan, sử dụng mặt nước ngày càng gia tăng và chưa được quản lý, đưa vào hệ thống cơ sở thông tin dữ liệu tài nguyên nước.

+ Đối với doanh nghiệp: Không có mặt tích cực do chính sách được giữ nguyên.

+ Đối với người dân: Không có tác động tích cực đến người dân.

- Về mặt tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: Quy định cũ chưa phù hợp với hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội, các loại hình khai thác tài nguyên nước, sử dụng mặt nước cho phát triển kinh tế như hiện nay dẫn đến khó thực thi trong bối cảnh mới. Đồng thời, chưa đồng bộ, thống nhất với quy định của Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15.

+ Đối với doanh nghiệp: Các quy định cũ chưa phù hợp với hiện trạng công trình, mục đích khai thác, mục đích sử dụng nước thực tế trong bối cảnh hiện tại, nhất là các công trình dẫn nước tạo cảnh quan, việc sử dụng mặt nước để kinh doanh,... dẫn đến doanh nghiệp chưa nắm các bước thực hiện để đảm bảo quy định pháp luật về tài nguyên nước.

+ Đối với người dân: tác động tiêu cực đến người dân cũng xảy ra tương tự như đối với doanh nghiệp, tuy nhiên ở quy mô nhỏ hơn.

b) Tác động về giới: không có sự phân biệt về giới.

c) Tác động về thủ tục hành chính: phương án này không phát sinh thủ tục hành chính do giữ nguyên quy định hiện tại.

d) Tác động đối với hệ thống pháp luật: phương án này chưa phù hợp, chưa đầy đủ với các hoạt động khai thác tài nguyên nước, sử dụng mặt nước giai đoạn hiện tại và trong thời gian tới, đồng thời chưa phù hợp với Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15.

2.4.2. Phương án 2: Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

a) Tác động về kinh tế, xã hội:

- Về mặt tích cực:

+ Đối với Nhà nước: tạo được sự gắn kết, đồng thuận giữa các cơ quan nhà nước trong việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

+ Đối với doanh nghiệp: Doanh nghiệp, tổ chức được phổ biến, tuyên truyền từ đó có nhận thức đúng đắn, nắm các bước thực hiện để phát triển kinh tế, đồng thời đảm bảo quy định pháp luật về tài nguyên nước.

+ Đối với người dân: tác động tích cực đến người dân cũng xảy ra tương tự như đối với doanh nghiệp, tuy nhiên ở quy mô nhỏ hơn. Ngoài ra, người dân có thể giám sát cơ quan quản lý và doanh nghiệp trong việc thực thi và tuân thủ quy định liên quan đến đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

- Về mặt tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: phát sinh chi phí trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước, nhất là đối với một số hoạt động khai thác tài nguyên nước, sử dụng nước phát triển mạnh trong thời gian gần đây và chưa quy định đăng ký (ví dụ như sử dụng mặt nước để làm điện mặt trời, dẫn nước để tạo cảnh quan trong khu đô thị, xây dựng đập dâng nước để tạo cảnh quan cho khu dân cư thu hút du lịch,...)

+ Đối với doanh nghiệp: Việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đối với các quy định cũ vẫn thiếu cho các hoạt động khai thác tài nguyên nước, sử dụng mặt nước gần đây (như đã nêu trên), việc chỉ tuyên truyền tuy nhiên chưa có quy định cụ thể dẫn đến việc doanh nghiệp loay hoay trong việc phát triển kinh tế song song với đảm bảo các quy định của pháp luật.

+ Đối với người dân: không có tác động tiêu cực đến người dân.

b) *Tác động về giới*: không có sự phân biệt về giới.

c) *Tác động về thủ tục hành chính*: phương án này không phát sinh thủ tục hành chính do cũng vẫn giữ nguyên quy định hiện tại.

d) *Tác động đối với hệ thống pháp luật*: phương án này chưa phù hợp, chưa đầy đủ với các hoạt động khai thác tài nguyên nước, sử dụng mặt nước giai đoạn hiện tại và trong thời gian tới, đồng thời chưa phù hợp với Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15.

2.4.3. Phương án 3: Sửa đổi, bổ sung và quy định chi tiết các nội dung về đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định tại điểm đ, e và g khoản 5 Điều 52 của Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15.

a) *Tác động về kinh tế, xã hội*:

- Về mặt tích cực:

+ Đối với Nhà nước: việc sửa đổi, bổ sung và quy định chi tiết các nội dung về đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với khoản 5 Điều 52 của Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15. Trong đó, quản lý một các tổng thể, đầy đủ, toàn diện đối với các hoạt động khai thác tài nguyên nước, sử dụng mặt nước mới phát sinh và gia tăng thời gian gần đây, đảm bảo tính công bằng giữa các hoạt động liên quan đến tài nguyên nước, đảm bảo phù hợp với khả năng đáp ứng của nguồn nước theo phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước và phù hợp với quy hoạch về tài nguyên nước, bảo đảm sử dụng tổng hợp, đa mục tiêu, tiết kiệm, hiệu quả.

+ Đối với doanh nghiệp: Với các quy định cụ thể với từng hoạt động, quy mô phải đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước, các doanh nghiệp có thể bám sát lựa chọn quy mô khai thác, quy mô sử dụng mặt nước phù hợp, tránh lãng phí trong việc đầu tư và khó khăn trong thực hiện các quy định pháp luật trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

+ Đối với người dân: tác động tích cực đến người dân cũng xảy ra tương tự như đối với doanh nghiệp, tuy nhiên ở quy mô nhỏ hơn. Ngoài ra, người dân có

thể giám sát cơ quan quản lý và doanh nghiệp trong việc thực thi và tuân thủ quy định liên quan đến đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

- Về mặt tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: Phát sinh nguồn lực (nhân lực, kinh phí, thời gian) cho việc sửa đổi, bổ sung, luật hóa các quy định về đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước, gia tăng thêm về số lượng công trình đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

+ Đối với doanh nghiệp: phát sinh chi phí để thực hiện các quy định được sửa đổi, bổ sung.

+ Đối với người dân: không có tác động tiêu cực đến người dân.

b) Tác động về giới: không có sự phân biệt về giới.

c) Tác động về thủ tục hành chính: phát sinh thủ tục hành chính đơn giản là đăng ký đối với một số loại hình công trình cho các mục đích khai thác, sử dụng nước để phù hợp với hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội hiện nay và tương lai.

d) Tác động đối với hệ thống pháp luật: Phương án này sẽ giúp quy định tại khoản 5 Điều 52 của Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 đi vào thực tế, tạo điều kiện để cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân triển khai thi hành Luật...

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Với các phân tích nêu trên, Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định lựa chọn phương án 3 do những ưu thế vượt trội về tác động kinh tế, xã hội và môi trường; đặc biệt, phương án này thể chế hóa quy định của pháp luật tại khoản 5 Điều 52 của Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15.

3. Chính sách 3: Cấp phép khai thác tài nguyên nước

3.1. Xác định vấn đề bất cập

a) Một số vấn đề:

Với mục tiêu hoàn thiện hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất, bảo đảm minh bạch để có khả năng khai thác tối đa nguồn tài nguyên, phân bổ hợp lý và sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước, Luật Tài nguyên nước sửa đổi đã được Quốc hội thông qua ngày 27/12/2023 đánh dấu bước tiến lớn trong thay đổi tư duy và phương thức quản trị tài nguyên nước. Theo quy định tại Điều 52 của Luật Tài nguyên nước 2023, tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên nước cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất công nghiệp, thủy điện, thủy lợi, thể thao, du lịch, kinh doanh, dịch vụ, tạo nguồn, ngăn mặn, chống ngập, tạo cảnh quan và các mục đích khác phải có giấy phép khai thác tài nguyên nước tương ứng với loại nguồn nước khai thác.

Vì vậy, Nghị định quy định chi tiết việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đã được xây dựng, theo đó có một số nội dung quy định về cấp phép được nghiên cứu thay đổi so với Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày

01/02/2023 quy định hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước, cụ thể:

- Bổ sung đối tượng cấp phép: Theo số liệu thống kê, hiện tại cả nước có khoảng gần 600 công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch cho mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan, do vậy Nghị định số 02/2024/NĐ-CP đã bổ sung các đối tượng phải cấp phép gồm: đập ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch khác có chiều dài công trình ngăn sông từ 50m trở lên; cống ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch có tổng chiều rộng thoát nước từ 10 m trở lên.

- Bổ sung quy định về tạm dừng hiệu lực giấy phép: trong triển khai thực tế, đặc biệt khi xảy ra tình hình Covid 19 như thời gian vừa qua, nhiều doanh nghiệp có nhu cầu tạm dừng khai thác nước tuy nhiên pháp luật về tài nguyên nước chưa có các quy định về việc tạm dừng hiệu lực giấy phép. Vì vậy, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã bổ sung nghiên cứu cụ thể các quy định về tạm dừng hiệu lực giấy phép đối với 02 trường hợp cụ thể như sau: (1) Chủ giấy phép đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước tạm dừng có thời hạn hiệu lực của giấy phép khai thác tài nguyên nước; (2) Khi xảy ra hạn hán, thiếu nước, chủ giấy phép phải thực hiện việc tạm dừng theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

b) Hậu quả nếu vấn đề không được giải quyết:

- Về đối tượng cấp phép nếu không được bổ sung, điều này dẫn tới tình trạng: (1) chưa kiểm soát, quản lý đầy đủ, toàn diện đối với các công trình ngăn sông, suối có tác động, ảnh hưởng đến chế độ dòng chảy, môi trường, hệ sinh thái thủy sinh và nhu cầu sử dụng nước của các công trình và các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác; (2) thiếu thông tin, dữ liệu để chỉ đạo, điều hành trên tổng thể toàn lưu vực, đặc biệt đối với các công trình ngăn sông suối lớn có ảnh hưởng đến việc điều tiết nước của các hồ chứa theo quy trình vận hành liên hồ; (3) khó khăn cho công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước khi chưa có công cụ pháp lý đối với các đơn vị khai thác có tác động đến nguồn nước.

- Về việc chưa có quy định về tạm dừng hiệu lực giấy phép: (1) cơ quan quản lý không có căn cứ, cơ sở pháp lý để thực hiện công tác điều hòa, phân phối tài nguyên nước trong trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước cần phải cắt giảm, tạm dừng; (2) chủ giấy phép có nhu cầu tạm dừng khai thác tài nguyên nước vì các lý do khách quan như khó khăn trong sản xuất, kinh doanh nhưng không thực hiện được và vẫn phải thực hiện đầy đủ các quy định của giấy phép và các nghĩa vụ về tài chính có liên quan, điều này dẫn tới khó khăn thêm cho doanh nghiệp.

c) Nguyên nhân của vấn đề:

Do pháp luật hiện hành về tài nguyên nước chưa có các quy định này.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hoàn thiện các quy định về pháp lý để thực hiện việc điều hòa, phân phối tài nguyên nước và khai thác, bảo vệ tài nguyên nước có hiệu quả thông qua việc quản lý đầy đủ các công trình khai thác nước có tác động lớn đến nguồn nước.

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Phương án 1: giữ nguyên chính sách hiện tại.

Phương án 2: bổ sung quy định về phối hợp giữa các Bộ, ngành địa phương trong việc quản lý hoạt động của các công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch và việc điều hòa, phân phối tài nguyên nước.

Phương án 3: bổ sung quy định quy mô các công trình ngăn sông, suối phải có giấy phép; quy định cụ thể về các trường hợp được tạm dừng hiệu lực giấy phép, hồ sơ và trình tự thủ tục thực hiện việc tạm dừng hiệu lực của giấy phép.

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

3.4.1. Phương án 1: Giữ nguyên chính sách hiện tại.

a) Tác động về kinh tế, xã hội:

- Về mặt tích cực:

+ Đối với Nhà nước: giữ nguyên chính sách hiện tại thì không phải thực hiện việc điều chỉnh sửa đổi chính sách liên quan.

+ Đối với doanh nghiệp: không phải mất thêm chi phí để làm hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.

+ Đối với người dân: không có tác động đến tích cực đến người dân.

- Về mặt tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên nước chưa quản lý được hết các công trình ngăn sông, suối - các công trình có ảnh hưởng lớn đến nguồn nước; khó khăn trong công tác chỉ đạo điều hành, kiểm tra, giám sát, đặc biệt đối với các công trình lớn có vai trò quan trọng trong việc điều tiết nước và việc điều hòa, phân phối tài nguyên nước trong trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước mà cần phải tạm dừng khai thác.

+ Đối với doanh nghiệp: việc chưa được quy định phải có giấy phép khai thác tài nguyên nước khiến cho các doanh nghiệp chưa có trách nhiệm và ý thức trong việc khai thác, bảo vệ tài nguyên nước; việc chưa có quy định về tạm dừng hiệu lực của giấy phép khi doanh nghiệp không có nhu cầu khai thác gây khó khăn, tốn kém cho doanh nghiệp khi không khai thác mà vẫn phải thực hiện đầy đủ các trách nhiệm liên quan đến tài nguyên nước, đặc biệt là các nghĩa vụ tài chính như doanh nghiệp vẫn phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trong thời gian không khai thác.

+ Đối với người dân: Chịu các tác động, ảnh hưởng bất lợi nếu các công trình ngăn sông, suối vận hành, điều tiết không có kế hoạch hoặc chưa hợp lý dẫn tới thiếu nước, ô nhiễm nguồn nước, sạt lở lòng bờ bãi sông,..

b) Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

c) *Tác động về thủ tục hành chính*: phát sinh thủ tục hành chính (phải làm hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác và thủ tục để tạm dừng hiệu lực giấy phép).

d) *Tác động đối với hệ thống pháp luật*: Giữ nguyên quy định hiện tại dẫn tới chưa có hướng dẫn thực hiện đầy đủ các nội dung quy định của Luật Tài nguyên nước 2023.

3.4.2. Phương án 2: bổ sung quy định về phối hợp giữa các Bộ, ngành địa phương trong việc quản lý hoạt động của các công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch để bảo vệ nguồn nước.

a) *Tác động về kinh tế, xã hội*:

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: việc bổ sung quy định về phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương trong việc quản lý các công trình ngăn sông, suối sẽ làm rõ được chức năng, nhiệm vụ, cơ chế phối hợp của các cơ quan quản lý tài nguyên nước với các bộ, ngành liên quan và địa phương giúp tránh chồng chéo. Phương án này tăng cường sự gắn kết, đồng thuận giữa các Bộ, ngành, địa phương trong công tác quản lý, từ đó tăng uy tín của các cơ quan quản lý Nhà nước cấp Trung ương, địa phương.

+ Đối với doanh nghiệp: Không làm thay đổi chi phí của doanh nghiệp; doanh nghiệp được quan tâm, hướng dẫn đầy đủ từ các cơ quan ban ngành để hoạt động có hiệu quả hơn, hạn chế tác động đến nguồn nước và các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác.

+ Đối với người dân: Mức độ hài lòng của người dân được nâng lên khi công tác quản lý tốt, tuy nhiên hiệu quả chưa cao.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với nhà nước: việc bổ sung quy định về phối hợp giữa các Bộ, ngành địa phương trong việc quản lý hoạt động của các công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch để bảo vệ nguồn nước nếu không có cơ chế phối hợp chặt chẽ, phù hợp và trách nhiệm thực thi cao từ các bên (là một trong những tồn tại, bất cập hiện nay trong công tác quản lý), rất dễ xảy ra tình trạng kéo dài, không hiệu quả, gây lãng phí nguồn lực của các Bộ, ngành, địa phương.

+ Đối với doanh nghiệp: Không mang lại thêm lợi ích cho doanh nghiệp.

+ Đối với người dân: Không có tác động đến người dân.

b) *Tác động về giới*: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

c) *Tác động về thủ tục hành chính*: không làm phát sinh thủ tục hành chính.

d) *Tác động tới hệ thống pháp luật*: bổ sung các quy định về phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương trong công tác quản lý hoạt động của các công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch và công tác bảo vệ nguồn nước.

3.4.3. Phương án 3: bổ sung quy định quy mô các công trình ngăn sông, suối phải có giấy phép; bổ sung các quy định cụ thể về các trường hợp được tạm dừng hiệu lực giấy phép, hồ sơ và trình tự thủ tục thực hiện việc tạm dừng hiệu lực của giấy phép.

a) Tác động về kinh tế - xã hội:

- Về mặt tích cực:

+ Đối với Nhà nước: quản lý được đầy đủ các công trình khai thác, sử dụng nước; có công cụ pháp lý để chỉ đạo điều hành, kiểm tra, giám sát các công trình này và chủ động trong việc điều hoà, phân phối tài nguyên nước trong trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước mà cần phải tạm dừng khai thác đối với các đối tượng có nhu cầu chưa cấp thiết.

+ Đối với doanh nghiệp: được quản lý để vận hành có hiệu quả các công trình, tránh vi phạm các quy định gây hậu quả nghiêm trọng; được giảm trách nhiệm và chi phí khi thực hiện việc tạm dừng hiệu lực của giấy phép (giảm tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước).

+ Đối với người dân: được tiếp cận với nguồn nước sạch, an toàn; được đảm bảo quyền lợi khi bị ảnh hưởng trong việc khai thác, sử dụng nước.

- Về mặt tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: Phát sinh thêm nguồn lực (nhân lực, chi phí, thời gian) cho việc xây dựng văn bản hướng dẫn thi hành, việc triển khai thực hiện các quy định mới trong công tác quản lý và công tác phổ biến, tuyên truyền các văn bản được sửa đổi, bổ sung. Tuy nhiên, quy định này không làm phát sinh thêm quá nhiều chi phí so với quy định hiện hành.

+ Đối với doanh nghiệp: phát sinh thêm chi phí để thực hiện lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.

+ Đối với người dân: Không có tác động tiêu cực.

b) Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

c) Tác động về thủ tục hành chính: phát sinh thủ tục hành chính (phải làm hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác và các thủ tục để xin tạm dừng hiệu lực giấy phép).

d) Tác động đối với hệ thống pháp luật: hướng dẫn được đầy đủ, cụ thể các nội dung được giao trong Luật Tài nguyên nước 2023.

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Với các phân tích nêu trên, Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định lựa chọn phương án 3 do phương án này sẽ giúp giải quyết được vấn đề đang tồn tại, bất cập hiện nay và mang lại lợi ích lâu dài, tác động tích cực nhiều hơn chi phí.

4. Chính sách 4: Cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất

4.1. Xác định vấn đề

a) Một số vấn đề:

Sau 10 năm triển khai thực hiện Luật Tài nguyên nước 2012, mặc dù đạt được những thành tựu quan trọng trong việc quy định hành nghề khoan nước dưới đất. Tuy nhiên, việc quy định về hành nghề khoan nước dưới đất đang tuân thủ các bước của nhiều quy phạm pháp luật, cụ thể:

+ Về điều kiện hành nghề khoan thực hiện theo quy định tại Điều 7 của Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018;

+ Về quy mô hành nghề khoan nước dưới đất thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016;

+ Về thẩm quyền cấp phép, trình tự cấp, gia hạn, điều chỉnh, thực hiện theo quy định của Thông tư 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022;

+ Về các nội dung về thời hạn giấy phép, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi, cấp lại, quyền và nghĩa vụ chủ giấy phép, trách nhiệm thi hành tuân thủ theo quy định của Thông tư 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014.

Với mục tiêu hoàn thiện hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất, bảo đảm minh bạch để có khả năng khai thác tối đa nguồn tài nguyên, phân bổ hợp lý và sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước, Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH 15 đã được Quốc hội thông qua ngày 27/12/2023 đánh dấu bước tiến lớn trong thay đổi tư duy và phương thức quản trị tài nguyên nước. Theo quy định tại khoản 3 Điều 31 của Luật Tài nguyên nước 2023, quy định việc khoan điều tra, khảo sát, thăm dò và khoan khai thác nước dưới đất phải do tổ chức, cá nhân có giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất thực hiện.

Vì vậy, dự thảo Nghị định quy định chi tiết việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đã được xây dựng, theo đó quy định hướng dẫn chi tiết quy định về việc hành nghề khoan nước dưới đất.

b) Hậu quả nếu vấn đề không được giải quyết:

Điều này dẫn tới tình trạng pháp luật hiện hành dẫn tuân thủ khó khăn cho tổ chức, cá nhân; các văn bản pháp luật cập nhật liên tục để bảo đảm tuân thủ các quy định đầy đủ gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân và cho công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước.

c) Nguyên nhân của vấn đề:

Do pháp luật hiện hành về hành nghề khoan nước dưới đất được hướng dẫn tại nhiều văn bản quy phạm pháp luật, dẫn đến việc tuân thủ các quy định về việc hành nghề khoan nước dưới đất chưa đầy đủ để đảm bảo quy định pháp luật về tài nguyên nước.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hoàn thiện hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất về quy định hành nghề khoan nước dưới đất nhằm tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân chấp hành đầy đủ các hoạt động có liên quan đến hoạt động hành nghề khoan nước dưới đất.

4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Phương án 1: Giữ nguyên chính sách hiện tại

Phương án 2: Xây dựng quy định về hành nghề khoan nước dưới đất theo quy định tại khoản 3 Điều 31 của Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15.

4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

4.4.1. Phương án 1: Giữ nguyên chính sách hiện tại

a) *Tác động về kinh tế, xã hội:*

- Về mặt tích cực:

+ Đối với Nhà nước: giữ nguyên chính sách hiện tại thì không phải thực hiện việc điều chỉnh sửa đổi chính sách liên quan.

+ Đối với doanh nghiệp: không có tác động tích cực đến các doanh nghiệp.

+ Đối với người dân: không có tác động đến tích cực đến người dân do giữ nguyên chính sách hiện tại.

- Về mặt tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: Quy định cũ đầy đủ với hiện trạng thực tế, phát triển kinh tế - xã hội nhưng chưa đồng bộ, thống nhất với quy định của Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15.

+ Đối với doanh nghiệp: Các quy định cũ được hướng dẫn tại nhiều văn bản quy phạm pháp luật, dẫn đến việc tuân thủ các quy định về việc hành nghề khoan nước dưới đất chưa đầy đủ để đảm bảo quy định pháp luật về tài nguyên nước.

+ Đối với người dân: tác động tiêu cực đến người dân cũng xảy ra tương tự như đối với doanh nghiệp.

b) *Tác động về giới:* không có sự phân biệt về giới.

c) *Tác động về thủ tục hành chính:* phương án này không phát sinh thủ tục hành chính do giữ nguyên quy định hiện tại.

d) *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* phương án này chưa phù hợp, chưa đầy đủ với quy định về hành nghề khoan nước dưới đất, đồng thời chưa phù hợp với Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 vì khi Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 có hiệu lực thì các văn bản quy phạm pháp luật quy định theo Luật tài nguyên nước năm 2012 sẽ hết hiệu lực, việc áp dụng sẽ không có căn cứ.

4.4.1. Phương án 2: Xây dựng quy định về hành nghề khoan nước dưới đất theo quy định tại khoản 3 Điều 31 của Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15

a) Tác động về kinh tế, xã hội:

- Về mặt tích cực:

+ Đối với Nhà nước: việc sửa đổi, bổ sung và quy định chi tiết các nội dung về hành nghề khoan nước dưới đất đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với khoản 3 Điều 31 của Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15. Trong đó, quy định quản lý một cách tổng thể, đầy đủ, toàn diện về quy định hành nghề khoan nước dưới đất.

+ Đối với doanh nghiệp: Với các quy định cụ thể với từng loại hình cấp, gia hạn, cấp lại, trả lại...trong việc hành nghề khoan nước dưới đất đảm bảo đồng bộ, thống nhất tại 1 bản văn bản quy phạm pháp luật tránh sai sót trong thực hiện các quy định pháp luật trong hành nghề khoan nước dưới đất như trước đây.

+ Đối với người dân: tác động tích cực đến người dân cũng xảy ra tương tự như đối với doanh nghiệp. Ngoài ra, người dân có thể dễ dàng thực hiện, tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động hành nghề khoan nước dưới đất.

- Về mặt tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: Phát sinh nguồn lực (nhân lực, kinh phí, thời gian) cho việc sửa đổi, bổ sung các quy định về hành nghề khoan nước dưới đất.

+ Đối với doanh nghiệp: phát sinh chi phí để thực hiện các quy định được sửa đổi, bổ sung.

+ Đối với người dân: Không có tác động tiêu cực đến người dân.

b) Tác động về giới: không có sự phân biệt về giới.

c) Tác động về thủ tục hành chính: phát sinh thủ tục hành chính đơn giản là cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất để phù hợp với hiện trạng thực tế.

d) Tác động đối với hệ thống pháp luật: Phương án này triển khai quy định tại khoản 3 Điều 31 của Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 đi vào thực tế, tạo điều kiện để cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân triển khai thi hành Luật Tài nguyên nước.

4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Với các phân tích nêu trên, Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định lựa chọn phương án 2 do những ưu thế vượt trội về tác động kinh tế, xã hội và môi trường; đặc biệt, phương án này thể chế hóa quy định của pháp luật tại khoản 3 Điều 31 của Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15.

5. Chính sách 5: Nộp, miễn, giảm tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

5.1. Xác định vấn đề bất cập

a) Một số vấn đề:

Ngày 17/7/2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 82/2017/NĐ-CP quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày

30/03/2021. Sau 7 năm triển khai thực hiện quy định về tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước tiếp tục được tăng cường hiệu lực, hiệu quả; đã nâng cao ý thức trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước tiết kiệm, hiệu quả. Theo số liệu thống kê của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì tính đến ngày 30/11/2023, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phê duyệt được 681 quyết định tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước với tổng số tiền gần 10.200 tỷ đồng; theo số liệu báo cáo của các tỉnh, thành phố tính đến ngày 30/11/2023, các tỉnh đã phê duyệt được tổng số tiền trên 400 tỷ đồng. Tính riêng trong năm 2019, theo số liệu của Tổng cục Thuế, số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước thu được trên cả nước là hơn 1.653 tỷ đồng, trong đó giấy phép do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp thu được 1.497 tỷ đồng, giấy phép do địa phương cấp thu được 156 tỷ đồng.

Tuy nhiên, quá trình thực thi đã phát sinh những vướng mắc đòi hỏi phải sửa đổi, bổ sung nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và cần quy định cụ thể đảm bảo trong quá trình thực thi như: căn cứ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; thời điểm áp dụng giá tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; các trường hợp điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; quy định về thời điểm áp dụng giá tính tiền đối với trường hợp truy thu tiền; trình tự, thủ tục thực hiện truy thu, hoàn trả tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước... đặc biệt là bổ sung một số trường hợp thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước mà trước đó Luật tài nguyên nước 2012 chưa quy định như sinh hoạt, nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, thủy điện tích năng, đồng thời quy định sản lượng tính tiền cấp quyền đối với các trường hợp trên; quy định cụ thể một số trường hợp được miễn tiền cấp quyền khai thác nước (trong đó có khai thác nước để cấp cho sinh hoạt của người dân khu vực biên giới, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn); quy định về giảm tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (cắt, giảm lượng nước khai thác hoặc tạm dừng có thời hạn hiệu lực của giấy phép; khai thác, sử dụng tuần hoàn, tái sử dụng nước; khai thác nước cho sản xuất nông nghiệp trong thời gian xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn...).

b) Hậu quả nếu vấn đề không được giải quyết:

Các nội dung về tiền cấp quyền là một trong những công cụ kinh tế, phản ánh một phần giá trị của tài nguyên nước vào các hoạt động khai thác sử dụng tài nguyên nước của các chủ thể. Thông qua đó, các chủ thể có ý thức hơn về việc sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên do phải trả chi phí cho các hoạt động này hoặc ghi nhận được giá trị của tài nguyên trong sản xuất (hạch toán tài nguyên nước). Nếu không được quy định, việc này dẫn đến các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp chưa tính toán đủ giá thành sản phẩm (một phần do chưa tính đúng, tính đủ giá trị của nước kết cấu trong sản phẩm) dẫn đến “bán rẻ hoặc cho không”, không phản ánh đúng chi phí bỏ ra, làm triệt tiêu động lực sử dụng các biện pháp tiết kiệm tài nguyên.

c) Nguyên nhân của vấn đề:

Chưa có khung pháp lý quy định cụ thể về nội dung các nội dung trên nên chưa tạo được cơ sở pháp lý để triển khai

5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Tạo công bằng giữa các đối tượng khai thác tài nguyên nước.
- Giá trị của tài nguyên nước được ghi nhận, phản ánh trong các ngành kinh tế có liên quan;
- Đảm bảo tránh thất thu ngân sách Nhà nước;
- Đảm bảo các quy định, yêu cầu phải rõ ràng, minh bạch.

5.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Phương án 1: Giữ nguyên chính sách hiện tại.

Phương án 2: Bổ sung quy định cụ thể liên quan về tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng trong các doanh nghiệp sản xuất có sử dụng nước phải sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; sửa đổi các quy định cụ thể và rõ ràng hơn các chính sách ưu đãi sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

Phương án 3: Bổ sung các quy định về nộp, điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

5.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

1.4.1. Phương án 1: giữ nguyên chính sách hiện tại

a) Tác động về kinh tế:

- Về mặt tích cực:
 - + Đối với Nhà nước: giữ nguyên chính sách hiện tại thì không phải thực hiện việc điều chỉnh sửa đổi chính sách liên quan.
 - + Đối với doanh nghiệp: các doanh nghiệp khai thác, sử dụng nước cho sinh hoạt và nông nghiệp không phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước
 - + Đối với người dân: giá nước sinh hoạt vẫn như trước đây do chưa phải nộp tiền cấp quyền.
- Về mặt tiêu cực:
 - + Đối với Nhà nước: giữ nguyên chính sách hiện tại đồng nghĩa với việc chưa có quy định mới bổ sung nên không có quy định để thực hiện tăng thu cho ngân sách nhà nước.
 - + Đối với doanh nghiệp: Tạo sự không công bằng giữa các doanh nghiệp, lĩnh vực trong khai thác, sử dụng nước khi một số lĩnh vực tiêu thụ nhiều nước, hiệu quả kinh tế thấp nhưng không phải nộp tiền cấp quyền dẫn đến hiện tượng lãng phí tài nguyên nước.
 - + Đối với người dân: Không có động lực sử dụng nước tiết kiệm do giá nước chưa phải tính tiền cấp quyền.

b) Tác động về xã hội:

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: không tạo được tác động tích cực khi không thay đổi chính sách.

+ Đối với doanh nghiệp: doanh nghiệp không phải tiếp cận, tìm hiểu với các quy định mới.

+ Đối với người dân: không có tác động tích cực.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: không có quy định mới nên không nâng cao được vai trò hiệu quả trong quy định pháp luật, không khai thác được các nguồn thu mới cho ngân sách nhà nước.

+ Đối với doanh nghiệp: Không có động lực thay đổi hành vi khai thác, sử dụng nước.

+ Đối với người dân: không ảnh hưởng đến người dân.

c) Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

d) Tác động về thủ tục hành chính: phương án này không phát sinh thủ tục hành chính do giữ nguyên quy định hiện tại.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật: Phương án này không phù hợp với các quy định tại Luật Tài nguyên nước năm 2023 và sẽ gây ra những xung đột trong hệ thống pháp luật về tài nguyên nước khi Luật có hiệu lực thi hành.

1.4.2. Phương án 2: Bổ sung quy định cụ thể liên quan về tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng trong các doanh nghiệp sản xuất có sử dụng nước phải sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; sửa đổi các quy định cụ thể và rõ ràng hơn các chính sách ưu đãi sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

a) Tác động về kinh tế:

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: ban hành được chính sách quy định về tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng trong các doanh nghiệp sản xuất có sử dụng nước phải sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; các quy định cụ thể và rõ ràng hơn các chính sách ưu đãi sử dụng nước tiết kiệm hiệu quả, nâng cao vai trò hiệu lực của pháp luật trong sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả bền vững. Có quy định mới làm cơ sở hình thành khung pháp lý giúp triển khai áp dụng thực tế, yêu cầu các đơn vị, doanh nghiệp có khai thác sử dụng tài nguyên nước sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội.

+ Đối với doanh nghiệp: tăng chi phí đầu tư ban đầu cho các thiết bị công nghệ sử dụng nước tiết kiệm, nhưng mang lại giá trị kinh tế, tăng doanh thu lâu dài khi áp dụng các quy định về sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả (như sử dụng nước tuần hoàn, thiết bị tiết kiệm nước hơn, tái sử dụng nước thải) giúp các doanh nghiệp tiết kiệm nhiều chi phí từ việc áp dụng các công nghệ biện pháp tiết kiệm

nước (giảm tiền điện bơm nước hàng ngày, giảm thời lượng sử dụng một vài thiết bị khác liên quan đến nước), giúp tăng doanh thu. Viện nghiên cứu kỹ thuật ngành khách sạn của Úc AIHE (Australian Institute of Hotel Engineers) đã ước lượng rằng: Thông thường một khách sạn 300 phòng sử dụng 225.000 lít nước mỗi ngày, tính ra tương đương mỗi phòng sử dụng 750 lít một ngày. Việc sử dụng nước trong một ngày của một khách sạn 300 phòng tiêu biểu trên có thể so sánh với 1,3 lượng nước của một hồ bơi đầy nước chuẩn thi đấu Olympic. Hoặc tính trong một năm thì tương đương với 483 hồ nước chuẩn Olympic. Như vậy, tiết kiệm nước trong ngành lưu trú sẽ góp phần lớn trong việc bảo vệ nguồn nước và môi trường.

+ Đối với người dân: người dân được mua sản phẩm của doanh nghiệp với giá thành ưu đãi khi được áp dụng các công nghệ tiết kiệm nước.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: Phát sinh chi phí xây dựng, sửa đổi, bổ sung văn bản theo nội dung chính sách của phương án này.

+ Đối với doanh nghiệp: tăng chi phí ban đầu đầu tư áp dụng công nghệ tiết kiệm nước dẫn tới tăng chi phí giá thành. Ngoài ra khi áp dụng thay đổi công nghệ mới tiết kiệm nước phải thay thế các thiết bị máy móc, công nghệ hiện đang sử dụng, gây tốn kém đáng kể.

+ Đối với người dân: tăng chi phí khi mua sản phẩm do doanh nghiệp tăng chi phí khi áp dụng đầu tư áp dụng công nghệ tiết kiệm nước.

b) Tác động về xã hội

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: đưa chính sách vào cuộc sống giúp các doanh nghiệp nâng cao ý thức trong việc sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, uy tín trong công tác quản lý được nâng cao một bước.

+ Đối với doanh nghiệp: nâng cao nhận thức về giá trị sử dụng nước trong kinh doanh sản xuất, từ đó nâng cao nhận thức sử dụng nước tiết kiệm hiệu quả.

+ Đối với người dân: tăng chất lượng sống của người dân khi được sử dụng sản phẩm có giá thành cao và chất lượng tốt hơn, đồng thời nâng cao nhận thức về tiết kiệm sử dụng nước.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: Bị ảnh hưởng đến uy tín vì không giải quyết được các vấn đề về quản lý khai thác sử dụng nước tiết kiệm gây lãng phí tài nguyên: không tận dụng được các loại tài nguyên.

+ Đối với doanh nghiệp: các doanh nghiệp phải tiếp cận với các quy định mới, tốn kém đầu tư trong việc thay đổi mô hình công nghệ, nhiều doanh nghiệp có thể sẽ không tuân thủ trong việc thay đổi công nghệ vì tốn kém trong đầu tư, thay đổi hoàn toàn công nghệ mới cho công nghệ cũ đang sử dụng.

+ Đối với người dân: không có tác động tiêu cực.

c) *Tác động về giới:* Chính sách không ảnh hưởng đến mỗi giới do các quy định về tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng, chính sách về ưu đãi sử dụng nước tiết kiệm hiệu quả.

d) *Tác động về thủ tục hành chính:* Chính sách không làm phát sinh mới thủ tục hành chính.

đ) *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Phương án này không phù hợp với các quy định tại Luật Tài nguyên nước năm 2023 và sẽ gây ra những xung đột trong hệ thống pháp luật về tài nguyên nước khi Luật có hiệu lực thi hành.

1.4.3. Phương án 3: Bổ sung các quy định về nộp, điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

a) *Tác động về kinh tế:*

- Về mặt tích cực:

+ Đối với Nhà nước: Nâng cao vai trò của nhà nước trong việc tạo môi trường, hành lang pháp lý đầy đủ. Ban hành được chính sách để toàn dân thực hiện, đồng bộ trong các quy định, đảm bảo tính đúng, tính đủ, không thất thu ngân sách. Thúc đẩy nền kinh tế phát triển theo hướng sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả. Tăng thu cho ngân sách Nhà nước.

+ Đối với doanh nghiệp: Việc thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước sẽ nâng cao nhận thức về giá trị của tài nguyên nước, tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động khai thác, sử dụng nước, thúc đẩy các doanh nghiệp tối ưu hoá lợi nhuận kinh tế sinh ra từ nước.

Việc miễn tiền cấp quyền đối với các trường hợp khai thác nước để cấp cho sinh hoạt của người dân khu vực biên giới, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt sẽ khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư các công trình phục vụ dân sinh cho những khu vực nêu trên. Đồng thời, doanh nghiệp cũng được miễn tiền cấp quyền trong một số trường hợp phải tạm dừng hoạt động do bị hư hỏng do sự cố bất khả kháng không thể tiếp tục khai thác được hoặc phải tạm dừng khai thác được miễn tiền trong thời gian công trình bị phải dừng khai thác sẽ giúp giảm bớt gánh nặng tài chính cho doanh nghiệp.

Việc giảm tiền cấp quyền giúp doanh nghiệp đã đầu tư công nghệ khai thác sử dụng nước tuần hoàn, công nghệ tiên tiến có lợi thế cạnh tranh hơn các doanh nghiệp khác. Doanh nghiệp có cơ hội đổi mới, phát triển và ứng dụng công nghệ tuần hoàn, tái sử dụng nước thân thiện môi trường.

+ Đối với người dân: Nhận thức tầm quan trọng của tài nguyên nước từ đó sử dụng nước tiết kiệm hơn, có ý thức trong việc bảo vệ tài nguyên nước.

- Về mặt tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: Phát sinh chi phí xây dựng, sửa đổi, bổ sung văn bản theo nội dung chính sách của phương án này, đồng thời ban hành mới hoặc sửa đổi quy định về xử lý vi phạm. Ước tính chi phí xây dựng xây dựng nghị định về

xử phạt và nghị định hướng dẫn thi hành là 120 triệu đồng (60 triệu đồng x 2 văn bản) và thông tư hướng dẫn 30 triệu đồng.

Cơ quan chức năng ở cấp Trung ương sẽ phải bố trí nguồn lực để nghiên cứu, ban hành quy định hướng dẫn.

Cơ quan chức năng cấp Trung ương và địa phương sẽ phải bố trí ngân sách để thực hiện hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp và người dân thực hiện chính sách.

Nhà nước cần đầu tư nguồn lực cho việc tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm.

+ Đối với doanh nghiệp: Phải tìm hiểu về cơ chế, chính sách mới để thực hiện. Các doanh nghiệp khai thác nước cho mục đích cấp cho sinh hoạt, nông nghiệp phải thực hiện việc nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

+ Đối với người dân: sẽ phải trả thêm chi phí nước sinh hoạt hàng tháng, giá thực phẩm do phát sinh tiền cấp quyền cho nông nghiệp tuy nhiên, số phát sinh tăng thêm không đáng kể so với giá cả hiện hành. Ước tính trên cơ sở quy định về công thức tính tiền, hệ số, mức thu tiền cho các mục đích của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP và Nghị định số 41/2021/NĐ-CP, tạm tính mức thu 0.2%, giá tính tiền là 4.000/1m³, hệ số K cao nhất (K = 1,8) của nước dưới đất (chất lượng nước tốt nhất, khai thác trong vùng hạn chế nước dưới đất, giếng đào hoặc giếng khoan dưới 100m) thì số tiền cấp quyền trên 1m³ cấp cho sinh hoạt sẽ phát sinh 14,4 đồng/1m³. Giả sử người dân sử dụng nước sạch của các công ty cấp nước đều ở nhà có đầy đủ hệ thống cấp thoát nước và thiết bị vệ sinh sẽ sử dụng 100l/ngày, 3m³/tháng. Mỗi hộ gia đình hạt nhân là 4 người dùng 12m³/tháng, thì số tiền nước tăng thêm nếu thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước sẽ là 172,8 đồng/tháng/hộ gia đình. Do đó, chi phí phát sinh nước sinh hoạt hàng tháng tăng không đáng kể.

Nếu thu tiền cấp quyền đối với nước cho sản xuất nông nghiệp (tạm tính mức thu 0.05%) thì tiền cấp quyền sẽ đóng góp gia tăng cho chi phí là 0.325 đồng/m³ đối với chi phí về nước cho hoạt động sản xuất Nông nghiệp.

b) Tác động về xã hội:

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: đưa chính sách vào cuộc sống giúp toàn xã hội nâng cao ý thức trong việc hiểu và xác định đúng giá trị của tài nguyên nước. Kiểm soát tốt hơn việc khai thác sử dụng nước qua đó giúp bình ổn xã hội.

+ Đối với doanh nghiệp: nâng cao nhận thức về giá trị sử dụng nước trong kinh doanh sản xuất, từ đó nâng cao nhận thức sử dụng nước tiết kiệm hiệu quả. Doanh nghiệp đã đầu tư công nghệ tiết kiệm nước, công nghệ tiên tiến có lợi thế cạnh tranh hơn các doanh nghiệp khác. Doanh nghiệp có cơ hội đổi mới, phát triển và ứng dụng công nghệ tiết kiệm nước thân thiện môi trường.

+ Đối với người dân: tăng chất lượng sống do tài nguyên được bảo vệ tốt hơn, nâng cao nhận thức về tiết kiệm sử dụng nước.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: không có tác động tiêu cực.

+ Đối với doanh nghiệp: các doanh nghiệp phải tiếp cận với các quy định mới. Nâng cao năng lực cho cán bộ đối với ngành nghề mới nếu doanh nghiệp không phải đang hoạt động trong lĩnh vực tài nguyên nước và lĩnh vực liên quan.

+ Đối với người dân: không có tác động tiêu cực.

c) *Tác động về giới*: Chính sách không có ảnh hưởng đến giới.

c) *Tác động về thủ tục hành chính*: Chính sách không làm phát sinh mới thủ tục hành chính vì các thủ tục liên quan đã được quy định ở Nghị định số 82/2017/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 41/2021/NĐ-CP.

d) *Tác động đối với hệ thống pháp luật*:

Phương án này sẽ giúp quy định tại Điều 65 Luật Tài nguyên nước 2023 đi vào thực tế, tạo điều kiện để cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân triển khai thi hành Luật có hiệu quả trong thực tế, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

5.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Với các phân tích đánh giá các tác động tích cực và tiêu cực của các phương án nêu trên, Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định lựa chọn phương án 3 do những ưu thế vượt trội về tác động kinh tế, xã hội và môi trường; đặc biệt, phương án này thể chế hóa quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2023, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật.

6. Chính sách 6: Dịch vụ về tài nguyên nước

6.1. Xác định vấn đề bất cập

Mặc dù việc xã hội hoá trong lĩnh vực tài nguyên nước đã được đề cập sơ bộ trong Luật Tài nguyên nước 2012 (ví dụ khoản 4 Điều 4. Chính sách của Nhà nước về tài nguyên nước của Luật đã quy định “*có cơ chế khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến để quản lý, bảo vệ, phát triển các nguồn nước, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên nước, xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để tái sử dụng, xử lý nước mặn, nước lợ thành nước ngọt, thu gom, sử dụng nước mưa, bổ sung nhân tạo nước dưới đất, khôi phục nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra*”). Tuy nhiên, về cơ bản các hoạt động liên quan đến tài nguyên nước vẫn chủ yếu chỉ giao cho các cơ quan quản lý nhà nước và sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước.

Hệ thống công cụ hỗ trợ ra quyết định được xây dựng trên nền tảng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước tập trung vào tích hợp, xử lý số liệu quan trắc, dự báo khí tượng thủy văn, tài nguyên nước, hiện trạng nguồn nước, nhu cầu sử dụng nước và bộ mô hình số được xây dựng và vận hành do Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành. Tuy nhiên, hiện nay, việc quản lý, vận hành các mạng quan trắc tài nguyên nước ở trung ương và địa phương đều do các cơ quan, đơn vị của nhà nước thực hiện nên có tình trạng thiếu nguồn lực

(nhân lực, tài chính) nên kết quả hạn chế; hầu hết các địa phương chưa xây dựng mạng quan trắc tài nguyên nước của địa phương; thông tin, dữ liệu, số liệu điều tra, đánh giá, quan trắc tài nguyên nước còn phân tán, chưa thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực nước và chưa đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý tài nguyên nước. Để giải quyết tốt khâu này thì cần đầu tư, xây dựng hệ thống công cụ hỗ trợ ra quyết định điều hòa phân phối nước; vận hành hồ chứa, liên hồ chứa theo thời gian thực và các dịch vụ đi kèm để khai thác, sử dụng hệ thống dữ liệu này.

b) Hậu quả nếu vấn đề không được giải quyết:

Hiện nay, với tình trạng thiếu thông tin, số liệu quan trắc các nguồn nước, số liệu điều tra cơ bản để phục vụ công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước, phục vụ hỗ trợ ra quyết định vận hành hồ chứa, liên hồ chứa, ra quyết định điều hòa, phân phối tài nguyên nước là vấn đề nổi cộm, cần được giải quyết sớm và triệt để. Tuy nhiên, nếu chỉ phụ thuộc vào nguồn lực, ngân sách của nhà nước để triển khai thực hiện các nhiệm vụ nêu trên thì không thể bảo đảm các yêu cầu về quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước bền vững trước điều kiện thực tế về nguồn lực còn hạn chế của nước ta hiện nay và trong khoảng 10 năm tới, đặc biệt là với sự phát triển vượt bậc của nền tảng công nghệ số ở trên thế giới cần phải có sự tham gia của các tổ chức, cá nhân có nguồn lực về kinh tế, nguồn lực về con người, cơ sở hạ tầng, công nghệ mới có thể đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao trong công tác quản trị tài nguyên nước.

Xã hội hóa ngành nước là cần thiết và thiết yếu, góp phần quan trọng công tác quản lý, bảo vệ và phát triển tài nguyên nước thông qua huy động các nguồn vốn, nguồn lực của các tổ chức, cá nhân, giảm bớt gánh nặng cho ngân sách Nhà nước và bảo đảm các chính sách về tài nguyên nước được thực thi một cách hiệu quả, đồng bộ. Chủ trương, chính sách xã hội hoá để tăng cường sự tham gia của các nguồn lực tư nhân, tinh giản, tăng hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cũng được khẳng định trong các văn bản của Đảng và Nhà nước trong thời gian gần đây. Tuy nhiên, với các quy định như đã nêu trên trong Luật Tài nguyên nước 2012, việc triển khai xã hội hóa sẽ có những vướng mắc, bất cập.

Do vậy, cần thu hút khu vực tư nhân đầu tư xây dựng hệ thống công cụ hỗ trợ ra quyết định và cung cấp dịch vụ hỗ trợ ra quyết định điều hòa, phân phối tài nguyên nước, giảm áp lực đầu tư lên ngân sách nhà nước.

c) Nguyên nhân của vấn đề:

Chưa có khung pháp lý quy định cụ thể về nội dung các nội dung trên nên chưa tạo được cơ sở pháp lý để triển khai.

6.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Xây dựng hành lang pháp lý để huy động sự tham gia của các nguồn lực ngoài nhà nước vào công tác ra quyết định vận hành hồ chứa, liên hồ chứa, ra quyết định điều hòa, phân phối tài nguyên nước.

- Đảm bảo các quy định, yêu cầu phải rõ ràng, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

6.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Phương án 1: Giữ nguyên chính sách hiện tại.

Phương án 2: Xây dựng quy định về dịch vụ về tài nguyên nước.

6.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

6.4.1. Phương án 1: giữ nguyên chính sách hiện tại

a) Tác động về kinh tế, xã hội:

- Về mặt tích cực:

+ Đối với Nhà nước: Không có tác động tích cực đến các cơ quan nhà nước do giữ nguyên quy định hiện hành.

+ Đối với doanh nghiệp: Không có tác động tích cực đến các doanh nghiệp.

+ Đối với người dân: Không có tác động đến tích cực đến người dân do giữ nguyên chính sách hiện hành.

- Về mặt tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: Tạo gánh nặng lên ngân sách nhà nước khi phải sử dụng ngân sách để thực hiện các công tác ra quyết định điều hòa, phân phối tài nguyên nước, ra quyết định vận hành hồ chứa, liên hồ chứa.

+ Đối với doanh nghiệp: Phải thực hiện đầu tư quan trắc, dự báo tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, thu thập các thông tin, số liệu điều tra cơ bản về tài nguyên nước để phục vụ việc vận hành công trình hồ chứa.

+ Đối với người dân: Không có tác động đối với người dân.

b) Tác động về xã hội:

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: không tạo được tác động tích cực khi không thay đổi chính sách.

+ Đối với doanh nghiệp: doanh nghiệp không phải tiếp cận, tìm hiểu với các quy định mới.

+ Đối với người dân: không có tác động tích cực.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: không có quy định mới nên không nâng cao được vai trò hiệu quả trong quy định pháp luật, không khai giảm được gánh nặng cho ngân sách nhà nước.

+ Đối với doanh nghiệp: Không có cơ chế, hành lang pháp lý để tham gia cung cấp các dịch vụ về tài nguyên nước.

+ Đối với người dân: không ảnh hưởng đến người dân.

c) *Tác động về giới*: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

d) *Tác động về thủ tục hành chính*: phương án này không phát sinh thủ tục hành chính do giữ nguyên quy định hiện tại.

đ) *Tác động đối với hệ thống pháp luật*: Phương án này không phù hợp với các quy định tại Luật Tài nguyên nước năm 2023 và sẽ gây ra những xung đột trong hệ thống pháp luật về tài nguyên nước khi Luật có hiệu lực thi hành.

6.4.2. Phương án 2: Xây dựng quy định về dịch vụ về tài nguyên nước

a) Tác động về kinh tế:

- Về mặt tích cực:

+ Đối với Nhà nước: Nhà nước có được những thông tin chuyên sâu về tài nguyên nước; có được sự hỗ trợ thông tin về tài nguyên nước của các tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ ra quyết định điều hòa, phân phối tài nguyên nước.

+ Đối với doanh nghiệp: Các doanh nghiệp dịch vụ tư vấn chuyên sâu về tài nguyên nước, thủy văn có cơ hội tham gia cung cấp dịch vụ về tài nguyên nước, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế-xã hội. Đồng thời, các doanh nghiệp quản lý, vận hành các hồ chứa được quyền lựa chọn tự vận hành hoặc thuê đơn vị hỗ trợ ra quyết định vận hành hồ chứa, liên hồ chứa nhằm tối ưu hoá nguồn nước, tối ưu hoá lợi nhuận, giảm gánh nặng về kinh phí cho việc thu thập các thông tin thủy văn, tài nguyên nước và nhân lực chuyên môn phục vụ việc vận hành.

+ Đối với người dân: Việc các doanh nghiệp, đơn vị khai thác tài nguyên nước tối ưu hoá nguồn nước, tối ưu hoá lợi nhuận sẽ gián tiếp giúp giá thành các sản phẩm đầu ra như giá điện, giá nước, giá lương thực... giảm xuống.

- Về mặt tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: Phát sinh chi phí xây dựng, sửa đổi, bổ sung văn bản theo nội dung chính sách của phương án này, đồng thời ban hành mới hoặc sửa đổi quy định về xử lý vi phạm. Ước tính chi phí xây dựng xây dựng nghị định về xử phạt và nghị định hướng dẫn thi hành là 120 triệu đồng (60 triệu đồng x 2 văn bản) và thông tư hướng dẫn 30 triệu đồng.

Cơ quan chức năng ở cấp Trung ương sẽ phải bố trí nguồn lực để nghiên cứu, ban hành quy định hướng dẫn.

Cơ quan chức năng cấp Trung ương và địa phương sẽ phải bố trí ngân sách để thực hiện hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp và người dân thực hiện chính sách. Nhà nước cần đầu tư nguồn lực cho việc tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm.

+ Đối với doanh nghiệp: Không có tác động tiêu cực đến doanh nghiệp.

+ Đối với người dân: Không có tác động tiêu cực đến người dân.

b) Tác động về xã hội:

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: đưa chính sách vào cuộc sống giúp giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước và khối lượng công việc, kiểm soát tốt hơn việc điều hoà, phân phối tài nguyên nước, qua đó giúp bình ổn xã hội.

+ Đối với doanh nghiệp: Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ về tài nguyên nước có nhiều cơ hội kinh doanh hơn, các doanh nghiệp quản lý, vận hành hồ chứa, đập dâng có nhiều lựa chọn trong việc vận hành công trình, giúp nâng cao tính chuyên sâu trong công tác vận hành công trình, dần dần hướng đến vận hành hồ chứa theo thời gian thực.

+ Đối với người dân: Việc nâng cao hiệu quả, năng lực điều hoà, phân phối tài nguyên nước và vận hành hồ chứa, liên hồ chứa sẽ giúp giảm thiểu tác hại do nước gây ra, giảm ảnh hưởng tiêu cực đến hạ du của các công trình đập, hồ chứa, từ đó giúp bình ổn xã hội.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: không có tác động tiêu cực.

+ Đối với doanh nghiệp: các doanh nghiệp phải tiếp cận với các quy định mới. Nâng cao năng lực cho cán bộ đối với ngành nghề mới nếu doanh nghiệp không phải đang hoạt động trong lĩnh vực tài nguyên nước và lĩnh vực liên quan.

+ Đối với người dân: không có tác động tiêu cực.

c) Tác động về giới: Chính sách không có ảnh hưởng đến giới.

d) Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách không làm phát sinh mới thủ tục hành chính vì các thủ tục liên quan đã được quy định ở Nghị định số 82/2017/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 41/2021/NĐ-CP.

d) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Phương án này sẽ giúp quy định tại Điều 70 Luật Tài nguyên nước 2023 đi vào thực tế, tạo điều kiện để cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân triển khai thi hành Luật có hiệu quả trong thực tế, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

6.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Với các phân tích đánh giá các tác động tích cực và tiêu cực của các phương án nêu trên, Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định lựa chọn phương án 2 do những ưu thế vượt trội về tác động kinh tế, xã hội và môi trường; đặc biệt, phương án này thể chế hóa quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2023, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật.

III. Ý KIẾN THAM VẤN

Ngày 28/12/2023, Bộ Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 11050/BTNMT-TNN gửi các Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố về việc đề nghị góp ý dự thảo 02 Nghị định quy định chi tiết Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15.

- Ngày 28/12/2023, Bộ Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 11049/BTNMT-TNN gửi Văn phòng Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ về việc đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ lấy ý kiến góp ý dự thảo 02 Nghị định quy định chi tiết Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15.

Ngày ..., Cổng thông tin điện tử của Chính phủ có Công văn số .../TTĐT-DLĐT, theo đó không nhận được sự đóng góp ý kiến của công dân, tổ chức đối với dự thảo Nghị định.

Về các ý kiến góp ý, đến nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã nhận được ý kiến góp ý bằng văn bản của .../... Bộ, ngành; .../63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; .../11 ý kiến của các đơn vị liên quan thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường và .../... doanh nghiệp.

Trên cơ sở các ý kiến của các Bộ ngành, địa phương, cơ quan chủ trì soạn thảo đã đã tổng hợp, giải trình, tiếp thu các ý kiến đóng góp, chỉnh sửa dự thảo Nghị định, và các hồ sơ kèm theo. Cục cũng đã tổ chức các hội thảo chuyên đề với các chuyên gia, nhà khoa học, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam để nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương và hoàn thiện dự thảo Nghị định.

III. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách: Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan quản lý tài nguyên nước ở địa phương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Cơ quan giám sát thực hiện các chính sách: Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp; Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận; công dân./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Đặng Quốc Khánh (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, PC, VP, TNN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Công Thành